

Số: 186/BDHC-P2

Đắk Lắk, ngày 13 tháng 08 năm 2024.

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Thủy điện Buôn Đôn thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) giữa niên độ của năm tài chính 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN**

- Mã chứng khoán: BSA
- Địa chỉ: Tầng 7, khách sạn Biệt Điện, số 01 đường Ngô Quyền, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02623 891368 Fax: 02623 891348
- Email: srepok4a@gmail.com Website: <https://thuydienbuondon.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC giữa niên độ của năm tài chính 2024.
☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 13/08/2024 tại đường dẫn: <https://thuydienbuondon.vn/>

Tài liệu đính kèm:

- BCTC giữa niên độ của năm tài chính 2024.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Trương Hải Quang





BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Buồn Đơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000884487, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 5 năm 2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ mười một ngày 29 tháng 9 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án Thủy điện Srêpôk 4A mã số 40121000095, chứng nhận lần đầu ngày 03 tháng 02 năm 2010 và chứng nhận thay đổi đến lần thứ hai ngày 04 tháng 01 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp với tổng vốn đầu tư đăng ký là 1.971.851.000.000 VND, thời gian thực hiện dự án là 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, Phường Thắng Lợi, TP. Buồn Ma Thuật, Tỉnh Đắk Lắk
- Điện thoại : 0262 3891 368
- Fax : 0262 3891 348

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh điện năng.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Vũ Thành Danh	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Ông Lê Hoàng Triều	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Ông Trịnh Hoàng Nhân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Văn Luận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Ông Hồ Nam Khánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Ông Phạm Quốc Thái	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Bà Trần Tuyết Loan	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trương Hải Quang	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 11 năm 2019
Ông Phan Quang Vũ	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020
Ông Phạm Văn Tùng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2010



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐƠN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trương Hải Quang – Giám đốc (bổ nhiệm ngày 07 tháng 11 năm 2019).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Trương Hải Quang
Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2024

Số: 1.1253/24/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐƠN**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Buồn Đơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2024, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, trong phạm vi các nguyên tắc này có thể được áp dụng cho công việc soát xét thông tin tài chính quá khứ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù nhận kết luận nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến vấn đề sau: Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của gốc vay chưa thanh toán có thể thu hồi trong tương lai (tương ứng với khoản thu nhập) nếu Công ty thực hiện đúng quy định về trả nợ gốc vay là 45.995.940.000 VND (xem thuyết minh số V.4a).

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Văn Kiên

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0192-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P. Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		331.204.129.401	351.572.625.136
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.992.147.862	21.893.719.431
1. Tiền	111		4.992.147.862	1.893.719.431
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	20.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		281.876.607.810	318.795.337.718
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	189.633.396.836	240.011.349.202
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	536.455.000	399.800.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	91.756.755.974	78.434.188.516
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(50.000.000)	(50.000.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		10.479.779.410	10.309.975.518
1. Hàng tồn kho	141	V.6	10.479.779.410	10.309.975.518
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		33.855.594.319	573.592.469
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	33.855.594.319	573.592.469
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P. Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		940.037.785.588	1.004.908.801.970
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		54.700.000	54.700.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	54.700.000	54.700.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		859.676.490.936	923.569.414.035
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	856.141.312.975	920.017.809.462
- Nguyên giá	222		1.839.141.229.557	1.839.141.229.557
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(982.999.916.582)	(919.123.420.095)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	3.535.177.961	3.551.604.573
- Nguyên giá	228		3.773.470.000	3.773.470.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(238.292.039)	(221.865.427)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.169.477.892	2.963.612.188
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	3.169.477.892	2.963.612.188
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		77.137.116.760	78.321.075.747
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	77.137.116.760	78.321.075.747
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.271.241.914.989	1.356.481.427.106

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P. Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		365.114.032.696	451.555.425.557
I. Nợ ngắn hạn	310		192.625.624.172	201.168.294.293
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	1.462.081.544	2.367.587.694
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	258.045.964	3.108.019.711
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	3.769.683.043	10.259.008.016
4. Phải trả người lao động	314	V.14	959.278.726	4.390.188.458
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	13.091.061.182	14.953.129.945
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	1.806.331.325	2.659.121.961
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a,c	167.721.136.740	159.675.440.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	3.558.005.648	3.755.798.608
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		172.488.408.524	250.387.131.264
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b,c	172.488.408.524	250.387.131.264
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P. Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		906.127.882.293	904.926.001.549
I. Vốn chủ sở hữu	410		906.127.882.293	904.926.001.549
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	668.509.750.000	668.509.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		668.509.750.000	668.509.750.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	10.824.284.000	10.824.284.000
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	226.793.848.293	225.591.967.549
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		223.547.031.684	225.591.967.549
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		3.246.816.609	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.271.241.914.989	1.356.481.427.106

Đắk Lắk, ngày 12 tháng 8 năm 2024



Phạm Thị Thu Thảo
Người lập

Phạm Văn Tùng
Kế toán trưởng

Trương Hải Quang
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	74.617.476.383	105.975.842.009
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		74.617.476.383	105.975.842.009
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	50.169.248.105	66.730.697.125
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.448.228.278	39.245.144.884
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	188.207.909	2.132.638.127
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	15.567.962.474	19.459.141.046
Trong đó: chi phí lãi vay	23		14.918.918.474	18.681.756.081
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	5.617.516.528	6.317.256.772
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.450.957.185	15.601.385.193
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.450.957.185	15.601.385.193
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	204.140.576	815.416.067
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.246.816.609	14.785.969.126
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	49	221
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.6	49	221

Phạm Thị Thu Thảo
Người lập

Phạm Văn Tùng
Kế toán trưởng

Trương Hải Quang
Giám đốc

Đắk Lắk, ngày 12 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.450.957.185	15.601.385.193
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	IV.7,V.7a,8,9	32.756.980.643	45.631.673.956
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(910.271)	(98.363)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(187.246.206)	(2.132.501.868)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	14.918.918.474	18.681.756.081
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		50.938.699.825	77.782.214.999
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		50.413.416.922	59.365.168.639
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.6	(169.803.892)	43.490.413
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(12.667.542.676)	(9.523.863.626)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	IV.7,V.7,8,9	(962.100.407)	(2.707.518.577)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.15,VI.4	(16.853.821.913)	(17.751.718.354)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(1.992.268.462)	(8.742.677.541)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(2.242.728.725)	(1.118.907.990)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		66.463.850.672	97.346.187.963
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10	(205.865.704)	(1.056.114.744)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	20.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4, VI.3	222.883.192	2.158.155.293
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		17.017.488	21.102.040.549

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P. Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17a	(83.383.350.000)	(79.345.053.708)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(83.383.350.000)	(79.345.053.708)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(16.902.481.840)	39.103.174.804
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	21.893.719.431	60.729.053.970
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.3	910.271	98.363
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	4.992.147.862	99.832.327.137

Đắk Lắk, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Phạm Thị Thu Thảo
Người lập

Phạm Văn Tùng
Kế toán trưởng



Trương Hải Quang
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh điện năng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Lợi nhuận trước thuế giảm so với kỳ trước do sản lượng điện sản xuất giảm làm cho doanh thu và lợi nhuận gộp giảm.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 57 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 60 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐỒN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản chênh lệch đánh giá lại khoản mục phải trả ngoại tệ với Ngân hàng Sumitomo Mitsui đang treo lại phải thu do Công ty xác định sẽ thu lại được của Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Sumitomo Mitsui.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Sumitomo Mitsui.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P. Thăng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền theo thời điểm và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất còn lại (không quá 50 năm).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	09 - 34
Máy móc và thiết bị	01 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

Do tính chất mùa vụ, Công ty có doanh thu biến động lớn giữa các tháng trong năm. Hàng quý, Công ty tạm phân bổ chi phí khấu hao theo công suất thiết kế của Nhà máy (230 triệu kWh), số còn phải phân bổ được trình bày là chi phí trả trước ngắn hạn. Đến cuối năm, toàn bộ chi phí khấu hao được ghi nhận vào chi phí trong năm.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P. Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 46 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P. Thăng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có Quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán điện thương phẩm

Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia được Công ty Mua bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam xác nhận và đơn giá qui định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

Doanh thu chuyển nhượng tín chỉ carbon

Doanh thu chuyển nhượng tín chỉ carbon được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng tín chỉ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	117.614.373	138.346.646
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.874.533.489	1.755.372.785
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	-	20.000.000.000
Cộng	4.992.147.862	21.893.719.431

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Mua bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	189.583.396.836	239.961.349.202
Các khách hàng khác	50.000.000	50.000.000
Cộng	189.633.396.836	240.011.349.202

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Tư vấn Nông lâm nghiệp và Dịch vụ Phương Bắc	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bắc Nguyên	160.000.000	-
Công ty TNHH May thuê giày An Phước	59.055.000	-
Công ty TNHH Tư vấn - Xây dựng Kiến Phát	-	99.000.000
Các nhà cung cấp khác	17.400.000	800.000
Cộng	536.455.000	399.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Chênh lệch tỷ giá của khoản vay ngoại tệ ⁽ⁱ⁾	91.538.462.292	-	78.008.138.292	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	-	-	35.636.986	-
Tạm ứng	63.200.000	-	9.000.000	-
Các khoản phải thu khác	155.093.682	-	381.413.238	-
Cộng	91.756.755.974	-	78.434.188.516	-

(i) Theo quy định tại Thông tư 57/2020/TT-BCT ngày 31/12/2020 của Bộ Công Thương về phương pháp tính giá điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện cũng như theo thỏa thuận tại hợp đồng mua bán điện số 05/2014/HĐ-NMĐ-Srêpôk4A ngày 29 tháng 8 năm 2016 giữa Công ty và Tập đoàn điện lực Việt Nam, Công ty sẽ được Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam thanh toán phần chênh lệch tỷ giá của các khoản vay ngoại tệ.

Công ty đã được Công ty Mua bán điện đồng ý thanh toán phần chênh lệch tỷ giá từ thời điểm phát sinh hợp đồng vay ngoại tệ đến năm 2019 (bao gồm đến hết năm 2018 và 31,7% chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm 2019). Đến thời điểm ngày 30/06/2024, phần chênh lệch tỷ giá tương ứng nợ gốc vay đã trả cho Ngân hàng là 91.538.462.292 VND đang chờ quyết toán với Bộ Công Thương và Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Đối với phần chênh lệch tỷ giá tương ứng nợ gốc vay chưa thanh toán, Công ty ghi nhận vào chi phí tài chính, do chưa đủ điều kiện ghi nhận là khoản phải thu. Tại ngày 30/06/2024, khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của gốc vay chưa thanh toán có thể thu hồi trong tương lai (tương ứng với khoản thu nhập) nếu Công ty thực hiện đúng quy định về trả nợ gốc vay là 45.995.940.000 VND.

4b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản tiền ký quỹ, ký cược dài hạn.

5. Nợ xấu

Là khoản phải thu tiền bán hàng Công ty TNHH MTV Xây dựng Khánh Dương với số tiền 50.000.000 VND. Khoản công nợ này đã quá hạn trên 3 năm và đã được Công ty trích dự phòng 100%.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	50.000.000	-
Số cuối kỳ	50.000.000	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.132.561.228	-	3.924.209.629	-
Công cụ, dụng cụ	6.347.218.182	-	6.385.765.889	-
Cộng	10.479.779.410	-	10.309.975.518	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	53.132.280	54.918.274
Chi phí bảo hiểm	109.707.375	286.332.429
Chi phí thuê văn phòng	247.909.090	79.090.913
Chi phí sửa chữa	1.685.335.456	93.600.853
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	623.567.662	59.650.000
Chi phí khấu hao chờ phân bổ ⁽ⁱ⁾	31.135.942.456	-
Cộng	33.855.594.319	573.592.469

(i) Chi phí khấu hao còn chờ phân bổ cho các quý trong năm nay theo sản lượng thiết kế của nhà máy (xem thuyết minh số IV.7).

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	76.840.424.298	77.978.224.860
Công cụ, dụng cụ	96.688.083	211.475.511
Chi phí sửa chữa, duy tu	181.713.184	103.926.129
Chi phí trả trước dài hạn khác	18.291.195	27.449.247
Cộng	77.137.116.760	78.321.075.747

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.294.420.374.168	539.048.091.989	5.058.586.955	614.176.445	1.839.141.229.557
Số cuối kỳ	1.294.420.374.168	539.048.091.989	5.058.586.955	614.176.445	1.839.141.229.557
Trong đó:					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	70.864.975	10.256.850.832	1.667.711.501	551.259.172	12.546.686.480
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	538.551.263.320	377.027.740.143	2.947.722.536	596.694.096	919.123.420.095
Khấu hao trong kỳ	37.861.826.461	25.815.963.148	188.220.666	10.486.212	63.876.496.487
Số cuối kỳ	576.413.089.781	402.843.703.291	3.135.943.202	607.180.308	982.999.916.582
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	755.869.110.848	162.020.351.846	2.110.864.419	17.482.349	920.017.809.462
Số cuối kỳ	718.007.284.387	136.204.388.698	1.922.643.753	6.996.137	856.141.312.975
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.693.470.000	80.000.000	3.773.470.000
Số cuối kỳ	3.693.470.000	80.000.000	3.773.470.000
Trong đó:			
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	80.000.000	80.000.000
Chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	150.754.323	71.111.104	221.865.427
Khấu hao trong kỳ	7.537.716	8.888.896	16.426.612
Số cuối kỳ	158.292.039	80.000.000	238.292.039
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.542.715.677	8.888.896	3.551.604.573
Số cuối kỳ	3.535.177.961	-	3.535.177.961
Trong đó:			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	2.963.612.188	205.865.704	3.169.477.892
- Công trình Thủy điện Srêpok 4A_ Chi phí dự án năng lượng mặt trời	2.311.469.508	-	2.311.469.508
- Trụ sở làm việc	522.468.519	205.865.704	728.334.223
- Công trình khác	129.674.161	-	129.674.161
Cộng	2.963.612.188	205.865.704	3.169.477.892

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật tư xây dựng 4	1.110.840.804	1.110.840.804
Công ty Cổ phần Sotaville	-	1.062.077.600
Các nhà cung cấp khác	351.240.740	194.669.290
Cộng	1.462.081.544	2.367.587.694

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Là khoản công nợ trả trước của Công ty Cổ phần Net Zero Carbon.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.543.028.713	6.835.608.086	(8.532.725.198)	845.911.601
- Thuế GTGT phải nộp	2.543.028.713	6.217.441.654	(7.914.558.766)	845.911.601
- Thuế GTGT được khấu trừ	-	618.166.432	(618.166.432)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.953.721.561	204.140.576	(1.992.268.462)	165.593.675
Thuế thu nhập cá nhân	230.940.769	239.627.022	(411.056.680)	59.511.111
Thuế tài nguyên	2.224.370.185	5.875.736.030	(6.625.729.843)	1.474.376.372
Thuế nhà thầu	-	724.809.775	(724.809.775)	-
Lệ phí môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên	-	1.404.400.500	(1.404.400.500)	-
Phí dịch vụ môi trường rừng	3.306.946.788	2.108.107.944	(4.294.964.448)	1.120.090.284
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	127.183.942	(22.983.942)	104.200.000
Tiền thuê đất	-	2.410.240	(2.410.240)	-
Cộng	10.259.008.016	17.525.024.115	(24.014.349.088)	3.769.683.043

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

- Điện thương phẩm : 10%
- Tín chỉ carbon : 10%

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, thuế suất giá trị gia tăng của các mặt hàng, dịch vụ chịu thuế 10% giảm xuống còn 8% theo Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư số 8511552116 ngày 04 tháng 01 năm 2017 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk phê duyệt dự án Thủy điện Srepok 4A, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ dự án đầu tư nhà máy thủy điện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn với thuế suất 10% trong 15 năm đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới và được miễn thuế trong 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Năm 2024 là năm thứ mười một Công ty hưởng ưu đãi về thuế suất và năm thứ 7 được giảm 50% số thuế phải nộp đối với thu nhập từ dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Srêpôk 4A.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.450.957.185	15.601.385.193
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	632.764.605	707.034.504
- Các khoản điều chỉnh giảm	(910.271)	(98.363)
Thu nhập tính thuế	4.082.811.519	16.308.321.334
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	816.562.304	3.261.664.268
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	(408.281.152)	(1.630.832.134)
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	(204.140.576)	(815.416.067)
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	204.140.576	815.416.067

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước nguồn với giá tính thuế là giá bán điện thương phẩm bình quân từ ngày 08/11/2023 là 2.006,79 VND/kWh (trước đó là 1.920,3732 VND/kWh), thuế suất là 5%.

Tiền thuê đất

Công ty được miễn tiền thuê đất trong cho cả thời gian thuê (từ năm 2010 đến năm 2060) của dự án theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 8511552116 được cấp ngày 04/01/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Phí dịch vụ môi trường rừng

Công ty phải nộp phí dịch vụ môi trường rừng cho hoạt động thủy điện với đơn giá là 36 VND/kWh.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

Số cuối kỳ là tiền lương còn phải trả cho người lao động.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	8.290.421.626	10.225.325.065
Phí bảo lãnh vay vốn	257.781.411	314.420.327
Các chi phí thuộc các hạng mục khác - Công trình		
Nhà máy thủy điện	4.333.095.546	4.333.095.546
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	209.762.599	80.289.007
Cộng	13.091.061.182	14.953.129.945

16. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	65.113.258	65.113.258
Công ty TNHH TM và XNK Hoàng Gia Phát	235.000.000	235.000.000
Thuế GTGT phải nộp chưa kê khai	1.474.170.433	2.334.625.209
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	32.047.634	24.383.494
Cộng	1.806.331.325	2.659.121.961

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Vay ngắn hạn/dài hạn

17a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	167.721.136.740	159.675.440.000
Ngân hàng Sumitomo Mitsui	148.711.374.000	142.330.440.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đắk Lắk	19.009.762.740	17.345.000.000
Cộng	167.721.136.740	159.675.440.000

Công ty có khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số tiền (VND)
Số đầu năm	159.675.440.000
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	85.048.112.740
Số tiền vay đã trả	(83.383.350.000)
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	6.380.934.000
Số cuối kỳ	167.721.136.740

17b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng Sumitomo Mitsui ⁽ⁱ⁾	148.252.860.000	213.056.820.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đắk Lắk ⁽ⁱⁱ⁾	24.235.548.524	37.330.311.264
Cộng	172.488.408.524	250.387.131.264

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng Sumitomo Mitsui để thanh toán các chi phí thực hiện đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Thủy điện Srêpôk 4A với lãi suất LIBOR cộng lợi nhuận biên, thời hạn vay 14 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 3 năm. Số tiền vay được hoàn trả 6 tháng/lần, thanh toán lần đầu vào ngày 26 tháng 8 năm 2015.

Bộ Tài chính cam kết bảo lãnh khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Sumitomo Mitsui đối với toàn bộ số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc 64,200,000.00 USD theo Thư bảo lãnh do Bộ Tài chính phát hành ngày 15 tháng 5 năm 2012.

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đắk Lắk để thanh toán các chi phí thực hiện đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Thủy điện Srêpôk 4A với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng trong suốt thời gian vay, thời hạn vay tối đa 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 05 tháng 11 năm 2019. Khoản vay này được được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc, thiết bị tại Nhà máy Thủy điện Srêpôk 4A với tổng giá trị tài sản cố định thế chấp là 220.018.000.000 VND theo Hợp đồng thế chấp số 24459/19MN/HĐBĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 và số 23509/19MN/HĐBĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	167.721.136.740	159.675.440.000
Trên 1 năm đến 5 năm	172.488.408.524	250.387.131.264
Cộng	340.209.545.264	410.062.571.264

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	Số tiền (VND)
Số đầu năm	250.387.131.264
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	7.149.390.000
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(85.048.112.740)
Số cuối kỳ	172.488.408.524

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích từ lợi nhuận trong kỳ	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.755.798.508	1.454.935.865	(1.652.728.725)	3.558.005.648
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	590.000.000	(590.000.000)	-
Cộng	3.755.798.508	2.044.935.865	(2.242.728.725)	3.558.005.648

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	655.403.460.000	10.824.284.000	5.254.120	255.546.642.175	921.779.640.295
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	14.785.969.126	14.785.969.126
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	(2.894.957.744)	(2.894.957.744)
Hoàn nhập quỹ	-	-	(5.254.120)	5.254.120	-
Số dư cuối kỳ trước	655.403.460.000	10.824.284.000	-	267.442.907.677	933.670.651.677
Số dư đầu năm nay	668.509.750.000	10.824.284.000	-	225.591.967.549	904.926.001.549
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	3.246.816.609	3.246.816.609
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khen thưởng người quản lý từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	(2.044.935.865)	(2.044.935.865)
Số dư cuối kỳ này	668.509.750.000	10.824.284.000	-	226.793.848.293	906.127.882.293

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết góp vốn theo cổ đông lớn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	207.241.820.000	207.241.820.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa 2	167.130.500.000	167.130.500.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	100.278.300.000	100.278.300.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	33.426.090.000	33.426.090.000
Ông Nguyễn Văn Luận	60.258.990.000	60.258.990.000
Các cổ đông khác	100.174.050.000	100.174.050.000
Cộng	668.509.750.000	668.509.750.000

19c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	66.850.975	66.850.975
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	66.850.975	66.850.975
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	66.850.975	66.850.975

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 17/NQ-ĐHĐCĐ-BDHC ngày 24 tháng 4 năm 2024 như sau:

	Số được phân phối	Số đã trích trong kỳ này	Số còn được trích
Chia cổ tức cho cổ đông bằng tiền ⁽ⁱ⁾	66.850.975.000	-	66.850.975.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.454.935.865	1.454.935.865	-
Trích quỹ khen thưởng người quản lý	590.000.000	590.000.000	-

⁽ⁱ⁾ Khoản cổ tức phải trả này chưa được ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền ngoại tệ chỉ có 827,2 USD (số đầu năm là 827,2 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện thương phẩm	71.978.611.802	102.942.794.864
Doanh thu bán tín chỉ carbon	2.638.864.581	3.033.047.145
Cộng	74.617.476.383	105.975.842.009

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn điện thương phẩm, chi tiết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.366.454.889	3.452.911.412
Chi phí nhân công	3.383.345.642	3.549.716.568
Chi phí khấu hao TSCĐ	32.704.409.523	45.557.774.426
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.548.915.587	13.088.825.259
Các chi phí khác	1.166.122.464	1.081.469.460
Cộng	50.169.248.105	66.730.697.125

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	187.246.206	2.132.501.868
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	51.432	37.896
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	910.271	98.363
Cộng	188.207.909	2.132.638.127

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	14.918.918.474	18.681.756.081
Phí đại lý và phí bảo lãnh khoản vay	589.246.409	732.378.202
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	59.797.591	45.006.763
Cộng	15.567.962.474	19.459.141.046

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.957.943.533	2.097.348.819
Chi phí vật liệu quản lý	85.547.595	98.947.506
Chi phí đồ dùng văn phòng	146.180.848	133.315.326
Chi phí khấu hao tài sản cố định	52.571.120	73.899.530
Thuế, phí và lệ phí	109.610.240	107.340.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.569.124.905	1.387.750.289
Các chi phí khác	1.696.538.287	2.418.655.302
Cộng	5.617.516.528	6.317.256.772

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐỒN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	3.246.816.609	14.785.969.126
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(221.789.537)
Trích quỹ khen thưởng người quản lý	-	(89.939.241)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	3.246.816.609	14.474.240.348
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	66.850.975	65.540.346
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	49	221

Lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước cũng được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 226 VND xuống còn 221 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.598.183.332	3.685.174.244
Chi phí nhân công	5.341.289.175	5.647.065.387
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.756.980.643	45.631.673.956
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.118.040.492	14.476.575.548
Chi phí khác	2.972.270.991	3.607.464.762
Cộng	55.786.764.633	73.047.953.897

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐỒN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Tiền lương, thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này			
Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	72.000.000	72.000.000
Các thành viên Hội đồng quản trị	-	168.000.000	168.000.000
Trưởng Ban kiểm soát	-	42.000.000	42.000.000
Các thành viên Ban kiểm soát	-	72.000.000	72.000.000
Giám đốc	161.674.695	-	161.674.695
Người quản trị Công ty	327.709.363	18.000.000	345.709.363
Cộng	489.384.058	372.000.000	861.384.058
Kỳ trước			
Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	72.000.000	72.000.000
Các thành viên Hội đồng quản trị	-	168.000.000	168.000.000
Trưởng Ban kiểm soát	-	42.000.000	42.000.000
Các thành viên Ban kiểm soát	-	72.000.000	72.000.000
Giám đốc	182.420.303	-	182.420.303
Người quản trị Công ty	383.622.854	18.000.000	401.622.854
Cộng	566.043.157	372.000.000	938.043.157

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4	Cổ đông sở hữu 31% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa 2	Cổ đông sở hữu 25% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Cổ đông sở hữu 15% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2	Cổ đông sở hữu 5% vốn điều lệ, có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không có giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện năng trong lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Đắk Lắk, ngày 12 tháng 8 năm 2024



Phạm Thị Thu Thảo
Người lập



Phạm Văn Tùng
Kế toán trưởng




Trương Hải Quang
Giám đốc

